

Bản án số: 83/2022/DS-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc
2. Ông Dương Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng góp hội tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Bùi Thị G, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ C:*

Vào tháng giêng năm 2019 (âm lịch), vợ chồng bà Bùi Thị G và ông Nguyễn Văn T lập nhiều chân hội do bà G làm chủ, có Chúc có tham gia chơi hội do bà G làm chủ, loại hội 1.000.000 đồng, mở vào ngày 08/5/2019 (âm lịch), đồng thời qua lời giới thiệu của bà G thì bà C mua hội của bà G để sinh lãi. Do tin tưởng nên bà C tham gia chơi hội và góp hội đầy đủ nhưng khi mãn hội, bà G và ông T không giao hội cho bà C. Tổng số tiền hội bà G, ông T nợ của bà C là 23.460.000 đồng. Tại phiên tòa, bà C khởi kiện bà G, ông T phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà số tiền nợ hội là 23.460.000 đồng (*hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

** Trình bày của bà Bùi Thị G tại biên bản ghi lời khai ngày 08/7/2022:*

Bà G xác định thực tế bà có nợ tiền hội của bà Nguyễn Thị Mỹ C với số tiền là 23.460.000 đồng (*hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*). Nay bà G thống nhất thanh toán cho bà C khoản nợ hội nêu trên.

Đối với chồng bà là ông Nguyễn Văn T không biết quá trình tham gia chơi hội giữa bà và bà C nên ông T không có nghĩa vụ thanh toán nợ hội nêu trên.

Bà G xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải, xét xử cho đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ C khởi kiện bà Bùi Thị G, ông Nguyễn Văn T tại Tòa án nhân dân huyện Thới Bình yêu cầu thanh toán tiền nợ hội 23.460.000 đồng (*hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do, bà Bùi Thị G xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà G, ông T theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Việc tranh chấp hợp đồng góp hội giữa bà Nguyễn Thị Mỹ C và bà Bùi Thị G, ông Nguyễn Văn T là thực tế có xảy ra, quá trình giải quyết vụ án bà C yêu cầu bà G, ông T thanh toán số tiền 23.460.000 đồng (*hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*), phía bà G, ông T không thanh toán nên phát sinh tranh chấp.

[5] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Các biên bản ghi lời khai, biên bản làm việc tại Cơ quan điều tra, biên bản ghi lời khai của bà Bùi Thị G vào ngày 08/7/2022. Các chứng cứ thể hiện bà G có nợ của bà C số tiền nợ hui là 23.460.000 đồng (*hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*). Bà C yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cùng bà G thanh toán nợ. Xét thấy, bà Bùi Thị G và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng còn trong thời kỳ hôn nhân, ông bà đã cùng bà C giao dịch chơi hui, số tiền thu được từ việc chơi hui nhằm mục đích để trang trải sinh hoạt trong gia đình nên khi nợ hui thì vợ chồng bà G và ông T phải có nghĩa vụ trả nợ, cần buộc ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà G thanh toán cho bà C khoản nợ hui vừa nêu. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ C đối với bà Bùi Thị G, ông Nguyễn Văn T, buộc bà G và ông T có nghĩa vụ thanh toán cho bà C số tiền nợ hui 23.460.000 đồng (*hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) là phù hợp, bà C không đặt ra yêu cầu thanh toán lãi nên không xem xét.

[6] Các vấn đề khác: Trường hợp chậm trả thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ C được chấp nhận nên bà Bùi Thị G, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

1. Xét xử vắng mặt bà Bùi Thị G, ông Nguyễn Văn T.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ C đối với bà Bùi Thị G, ông Nguyễn Văn T, về việc thanh toán tiền nợ hui.

Bà Bùi Thị G và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mỹ C số tiền nợ hụi 23.460.000 đồng (*hai mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ khi có quyết định và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bà Bùi Thị G và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.173.000 đồng (*một triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng*), bà G, ông T chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ C không phải chịu án phí. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2022, bà C có dự nộp 587.000 đồng (*Năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai số 0015084 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà G, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lan Anh